TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2023

V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1983.

- Bị đơn: Anh Ninh Thế A, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Tổ 25, khu KS, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D có mặt, anh Thế A vắng mặt không có lý do)

NỘI D VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2023, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ninh Thế A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Sau 02 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh Thế A vướng vào tệ nạn xã hội và thường

xuyên đánh đập chị, vì con chị đã nhiều lần bỏ qua và muốn anh Thế A thay đổi để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Sau đó gia đình chuyển vào Nam sinh sống và lập nghiệp nhưng nhiều năm nay vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, không cảm nhận được hạnh phúc gia đình, đến nay chị cảm thấy rất mệt mỏi, không thể tiếp tục chung sống với anh Thế A. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, các con đã lớn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Ninh Thế A.

Về con chung: Có 02 con chung.

1. Họ tên: Ninh Thị Kiều T, sinh ngày 10/12/2003 (đã trưởng thành);
2. Họ tên: Ninh Trà M, sinh ngày 05/12/2007;

Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ninh Trà M, chị không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại chị kinh doanh buôn bán gà ở chợ, đảm bảo về mặt kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Ninh Thế A vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, đối với bị đơn anh Ninh Thế A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Thế A là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai chị D và chứng cứ tại hồ sơ thể hiện quá trình chung sống đến hiện tại, chị D và anh Thế A sống không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn, không bàn bạc được xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh Thế A đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, chị D yêu cầu được ly hôn anh A là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

+ Về con chung: Có hai con chung Ninh Thị Kiều T, sinh ngày 10/12/2003 (đã trưởng thành) và Ninh Trà M, sinh ngày 05/12/2007. Ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ninh Trà M, không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con. Xét phù hợp nguyện vọng cháu M và phù hợp qui định pháp luật nên đề nghị chấp nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh Ninh Thế A có nơi cư trú tại thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Ninh Thế A đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ninh Thế A.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xét hôn nhân giữa chị D và anh Thế A xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 10/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cũng như thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Thế A nhưng anh Thế A không chấp hành tống đạt của Tòa án nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được. Cho thấy anh Thế A không có trách nhiệm đối với mối quan hệ hôn nhân với chị D, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định. Căn cứ lời khai, chứng cứ chị D cung cấp cũng như kết quả xác minh tại địa phương cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, sống không hạnh phúc, không bàn bạc được việc xây dựng hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt theo như lời khai của chị D là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, việc chị D yêu cầu được ly hôn anh Thế A là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có hai con chung tên Ninh Thị Kiều T, sinh ngày 10/12/2003 (đã trưởng thành) nên không xem xét. Cháu Ninh Trà M, sinh ngày 05/12/2007, ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M. Xét phù hợp nguyện vọng cháu M và điều kiện chăm sóc con của chị D nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Theo luật định chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Anh Ninh Thế A không phải chịu án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D đối với bị đơn anh Ninh Thế A về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Ninh Thế A.

2/ Về con chung: Có hai con chung tên Ninh Thị Kiều T, sinh ngày 10/12/2003 (đã trưởng thành) nên không xem xét. Cháu Ninh Trà M, sinh ngày 05/12/2007, xử giao cho chị Trần Thị D được quyền nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên không xem xét.

Vì quyền lợi của cháu M, anh Ninh Thế A được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Trừ trường hợp anh A bị hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 82 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009165 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị D đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ninh Thế A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- UBND xã NH, huyện ĐH,
Tỉnh Thái Nguyên;
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà